

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST

Ngày: 25/3/2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Quốc Tuấn

2/ Ông Nguyễn Hữu Khoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 410/2018/TLST-DS, ngày 03/12/2018. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐST-DS, ngày 26/3/2019 giữa:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tất C, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp 2, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An.

* Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1970 và ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1968. Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã MA, huyện X, tỉnh Long An.

(Ông Nguyễn Văn Đ ủy quyền cho bà Trần Thị N)

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị S, sinh năm 1937. Địa chỉ: Ấp 1, xã MA, huyện X, tỉnh Long An.

- Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp 2, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An. (vợ ông C)

(Ông C, bà G, bà N có mặt. Các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Tất C trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Vợ của ông là bà Nguyễn Thị G có cho bà Trần Thị N vay tiền 2 lần tổng cộng là 45.000.000đ, cụ thể:

- Lần thứ nhất cho vay ngày 12/12/2016 dương lịch, số tiền 25.000.000đ. Ông có làm giấy vay tiền, bà N ký tên, có ông Lê Văn H là em rể của bà N làm

chứng.

- Lần thứ hai ngày 01/5/2017 âm lịch (tức ngày 26/5/2017 dương lịch), số tiền 20.000.000đ, không làm giấy vay nhưng hai bên thống nhất gộp lại thành 1 giấy vay ghi nợ tổng cộng nợ là 45.000.000đ. Giấy vay tiền ngày 01/5/2017 do ông ghi, bà N ký tên của bà S và bà N, có con trai bà N là Nguyễn Vũ Linh đi theo ký tên làm chứng. Do ban đầu ông nghĩ bà N tên Lê Thị S nhưng sau đó xem lại giấy tờ đất thì không phải.

Khi vay, hai bên thỏa thuận lãi suất 30.000đ/1.000.000đ. Khi vay, bà N có đưa thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 571, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.318m², tọa lạc ấp 1, xã MA, huyện X, tỉnh Long An do bà Lê Thị S là mẹ chồng của bà N đứng tên.

Ông không gặp bà S lần nào, chỉ gặp bà N năn nỉ xin vay tiền nói bà S bệnh, con bà N bị tai nạn nên cầm bằng khoán đi vay. Bà N hẹn vụ lúa đông xuân là 30/02/2018 âm lịch trả nhưng không thực hiện. Đến nay, bà N đã trả lãi đợt 1 là 2.250.000đ (3 tháng tiền lãi), đợt 2 trả lãi 2.700.000đ (02 tháng tiền lãi), tổng cộng 4.950.000đ nhưng không nhớ ngày tháng trả. Tuy nhiên, bà N nói đã trả lãi được 6.000.000đ ông cũng đồng ý vì khi trả lãi ông không có ghi sổ.

Nay ông yêu cầu bà Trần Thị N và chồng là ông Nguyễn Văn Đ liên đới trả cho ông 45.000.000đ tiền gốc và lãi suất 16.000.000đ (Lãi từ ngày 01/5/2017 âm lịch đến khi xét xử sơ thẩm). Lý do, ông Đ biết việc vay tiền này. Ông không yêu cầu bà S trả nợ do không gặp bà S khi cho bà N vay. Về giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 571 của bà S ông không đồng ý trả, khi nào bà N, ông Đ trả tiền cho ông xong thì mới trả giấy cho bà S.

** Bị đơn bà Trần Thị N trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Về thời gian, quá trình vay và các giấy nợ như ông C trình bày. Bà thừa nhận còn nợ ông C 45.000.000đ. Do con bà bị tai nạn nên đã vay của ông C số tiền 45.000.000đ trong 2 lần. Lần đầu ngày 12/12/2016 số tiền 25.000.000đ. Ông C có làm giấy tay bà ký tên. Lần 2 vay ngày 01/5/2017 âm lịch số tiền 20.000.000đ, lần này không làm giấy nhưng hai bên thống nhất ghi nợ tổng là 45.000.000đ. Bà đã trả lãi được 6.000.000đ.

Khi vay, bà có thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 571 nêu trên cho ông C. Đất do bà Lê Thị S là mẹ chồng của bà đứng tên. Lý do con bà bị tai nạn không có tiền, bà có năn nỉ mẹ chồng cho mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ban đầu mẹ chồng không cho, sau đó mới chịu.

Bà đồng ý trả cho ông C 45.000.000đ tiền gốc và tiền lãi 16.000.000đ nhưng do khó khăn về kinh tế nên bà xin trả thành 5 đợt. Tiền gốc 45.000.000đ trả thành 2 đợt, 2 tháng 1 lần sau khi xét xử sơ thẩm, 16.000.000đ tiền lãi trả trong 3 tháng tiếp theo.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có bản tự khai hay cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ nào và đã ủy quyền cho bà Trần Thị N.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G trình bày:* Bà đi mượn tiền giùm cho bà N. Chồng bà biết nên mới làm giấy vay tiền. Bà thống nhất với ý kiến của ông C. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Sáu được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có bản tự khai hay cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ nào và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.*

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không thành. Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự xác định không cung cấp thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An được qui định tại khoản 3 điều 26, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà S vắng mặt suốt quá trình tố tụng dù đã được triệu tập hợp lệ, nên tòa án giải quyết vắng mặt đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Các đương sự thống nhất:

Vợ ông C có cho bà N vay tiền 2 lần là 45.000.000đ. Lần thứ nhất vay ngày 12/12/2016 dương lịch số tiền 25.000.000đ. Lần thứ hai vay ngày 01/5/2017 âm lịch (tức ngày 26/5/2017 dương lịch) số tiền 20.000.000đ, tổng cộng là 45.000.000đ. Cả hai lần đều làm giấy vay do ông C ghi và bà N có ký tên. Hai bên thỏa thuận lãi suất 30.000đ/1.000.000đ. Bà N hẹn ngày 30/02/2018 âm lịch (tức ngày 15/4/2018 dương lịch) trả tiền.

Khi vay, bà N có đưa thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 571, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.318m², tọa lạc ấp 1, xã MA, huyện X, tỉnh Long An do bà Lê Thị S là mẹ chồng của bà N đứng tên. Ông C không gặp bà S lần nào. Cho đến nay, bà N đã trả lãi được 6.000.000đ. Bà N đồng ý trả cho ông C 45.000.000đ tiền gốc và 16.000.000đ tiền lãi, còn giấy đất là phải trả cho mẹ chồng bà vì bà lén lấy đưa cho ông C.

Do bà N chưa trả tiền cho ông C nên ông C khởi kiện yêu cầu bà N trả 45.000.000đ tiền vay theo giấy vay ngày 01/5/2017 âm lịch (tức ngày 26/5/2017 dương lịch) là phù hợp với quy định về hợp đồng vay tài sản tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

Về phần lãi suất: Ông C và bà N thống nhất xác định bà N đã trả được 6.000.000đ. Số tiền này các bên không yêu cầu tòa án điều chỉnh trừ vào số tiền bà N phải trả cho ông C nên Tòa án không xem xét điều chỉnh.

Ông C yêu cầu bà N trả cho ông 16.000.000đ tiền lãi tính từ ngày 26/5/2017 đến khi xét xử sơ thẩm. Xét thấy lãi suất các bên thỏa thuận 3%/tháng là không phù hợp tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Lãi suất theo quy định pháp luật bà N phải trả là: Trong hạn từ ngày 01/5/2017 âm lịch (tức ngày 26/5/2017 dương lịch) đến ngày 30/02/2018 âm lịch (tức ngày 15/4/2018) dương lịch) lãi suất 1,67%/tháng = $45.000.000đ \times 1,67\%/tháng \times 10 \text{ tháng}$ 19 ngày = 8.100.000đ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn là 2,51%/tháng từ ngày 15/4/2018 đến ngày 25/3/2019 = $45.000.000đ \times 2,51\%/tháng \times 11 \text{ tháng}$ 10 ngày = 12.600.000đ. Tổng cộng là 20.700.000đ. Tuy nhiên, ông C chỉ yêu cầu lãi suất 16.000.000đ là có lợi cho bà N nên được chấp nhận.

Bà N xin trả dần nhưng pháp luật không có quy định và ông C không đồng ý, nên không chấp nhận yêu cầu xin trả nợ dần của bà N.

Về trách nhiệm trả nợ: Ông C cho rằng ông Đ biết được việc vay tiền của bà N và mục đích vay để lo cho con bà N, ông Đ bị tai nạn. Bà N cũng thừa nhận điều này. Xét thấy, khoản nợ của bà N phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Bà N sử dụng tiền vay để chăm lo cho con chung. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình 2014. Do đó, ông Đ phải có trách nhiệm liên đới trả tiền vay và lãi phát sinh cho ông C số tiền 61.000.000đ. Trong đó, tiền gốc là 45.000.000đ, tiền lãi là 16.000.000đ.

Về việc ông C cho rằng bà N đã thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 571 của bà S cho ông để đảm bảo khoản vay 45.000.000đ, nên ông giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Xét thấy, căn cứ Điều 317, khoản 4 Điều 323 Bộ luật dân sự 2015 thì việc ông C giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất của bà S là không phù hợp quy định pháp luật. Ông C cũng thừa nhận ông không gặp bà S khi cho bà N vay và bà N là người đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 571 cho ông. Do đó, buộc ông C trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 571 cho bà Lê Thị S.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bà Trần Thị N, ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới chịu 3.050.000đ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của ông C được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 48, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Áp dụng Điều 463, 466, 468, Điều 317, khoản 4 Điều 323 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tất C đối với bà Trần Thị N, ông Nguyễn Văn Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Thị N, ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới trả cho ông Nguyễn Tất C số tiền là 61.000.000đ (Trong đó, tiền gốc là 45.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 25/3/2019 là 16.000.000đ).

Kể từ ngày ông Nguyễn Tất C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bà Trần Thị N, ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Buộc ông Nguyễn Tất C phải trả cho bà Lê Thị S Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 571, tờ bản đồ số 1, tọa lạc ấp 1, xã MA, huyện X, tỉnh Long An, số BE 851000 cấp ngày 23/6/2011 do bà Lê Thị S đứng tên.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị N, ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.050.000đ.

Ông Nguyễn Tất C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Nguyễn Tất C 1.450.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003983, ngày 28/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An.

4/ Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận bản án hợp lệ.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Long An;
- THA, VKS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Mỹ Phượng